First Grade
Dual Language
Vietnamese Literacy

May 2020

Vietnamese K-2 tuần 5-6

Sử dụng giấy vở để hoàn thành các bài tập này. Làm một bài mỗi ngày!

Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Ai là nhân vật yêu thích trong phim hoặc trong sách của bạn? Viết hoặc vẽ về những gì sẽ xảy ra nếu bạn gặp họ trong cuộc sống thực.	Nhìn vào thức ăn có sẵn trong nhà bạn. Viết một thực đơn kì cục cho bữa trưa. **Ví dụ**: Bánh mì kẹp Cheez-it và xi-rô với nước ép cá ngừ.	Bạn có thể sắp xếp chữ lại để đọc tên những con vật này không? caro rwmo cnaotu rumle	Viết hoặc vẽ một danh sách các món ăn yêu thích của gia đình bạn. 	Tạo ra siêu nhân của riêng bạn. Vẽ và ghi chú trang phục và siêu năng lực của siêu nhân đó.

Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sử dụng thùng giấy hoặc những cuốn sách để tạo ra một con dốc. Tìm năm vật dụng để lăn xuống con dốc này. 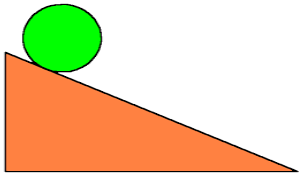	Trong khu phố của bạn có những gì? Vẽ và dán nhãn bản đồ của những ngôi nhà và đường phố xung quanh nhà bạn.	Đi dạo trong khu phố của bạn. Đếm số lượng cửa ra vào và cửa sổ mà bạn nhìn thấy.	Kiểm đếm đôi giày trong nhà bạn. Ai có **nhiều nhất**? Ai có **ít nhất**? 	Chọn hai con vật, ví dụ như con ngựa và cá sấu. Hãy tưởng tượng chúng nó sẽ giống như thế nào nếu được gắn liền với nhau. Vẽ hình con vật mới này!

Vietnamese K-2 tuần 7-8

Sử dụng giấy vở để hoàn thành các bài tập này. Làm một bài mỗi ngày!

Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Chọn một trang sách, tạp chí, hoặc một bài báo nào. Kiểm tra số lần bạn tìm thấy các từ này: **The** **a or an** **Is**	Đi săn hình. Tìm năm thứ trong ngôi nhà của bạn cho mỗi hình dưới đây: Hình tròn Hình vuông Hình chữ nhật Hình tam giác	Bạn có thể tạo ra bao nhiêu từ từ tên của con khủng long này? triceratops Ví dụ: rice, top	Bạn có tìm thấy được 5 thứ có **từ tính** (có chất hít) trong nhà của bạn không?	Hãy tưởng tượng hai món đồ chơi của bạn đã đi đến trường học của bạn khi không có ai ở đó. Viết hoặc vẽ hình cuộc phiêu lưu của họ.

Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Giấu một cái gì đó trong nhà của bạn. Vẽ một bản đồ kho báu và để một thành viên trong gia đình cố gắng tìm nó.	Tìm bốn thứ trong nhà của bạn có màu **tím**. Tìm bốn thứ trong nhà của bạn có màu **cam**. Tìm bốn thứ trong nhà của bạn là màu **xanh lá cây**.	Nếu bạn điều hành một sở thú, bạn sẽ có những con vật gì? Vẽ và ghi chú hình của sở thú giả tưởng này. 	Xếp hàng tất cả các chai xà phòng, dầu gội và kem dưỡng da trong nhà của bạn từ thấp nhất đến cao nhất.	Cho một ít xà phòng vào một cái tách nhỏ. Đổ đầy nước vào. Nhìn đồng hồ và đếm xem bao nhiêu phút các bong bóng xà phòng sẽ biến mất.

Đánh Vần
(Giúp các em đánh vần những từ sau đây.)

en

en	đen	hen	len	men	phen	sen
én	bén	chén	kén	lén	nén	vén
èn	bèn	đèn	hèn	kèn	phèn	rèn
ẻn	lẻn	sẻn				
ẽn	bẽn	chẽn	lẽn	tẽn	trẽn	
ẹn	bẹn	hẹn	nghẹn	nhẹn	thẹn	vẹn

on

on	con	lon	mon	non	son	thon
ón	bón	đón	gión	món	nón	rón
òn	còn	đòn	giòn	hòn	mòn	tròn
ỏn	lỏn					
õn	nõn					
ọn	bọn	chọn	dọn	gọn	mọn	nọn

un

un	đun	giun	mun	phun	run	vun
ún	bún	lún	nhún	phún	sún	
ùn	bùn	cùn	chùn	gùn	hùn	lùn
ủn	mủn	nhủn	rủn			
ũn	nhũn					
ụn	đụn	lụn	mụn	sụn	vụn	

Tập Viết

(Cho các em viết những từ sau đây.)

chén

kèn

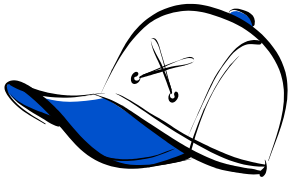

nón

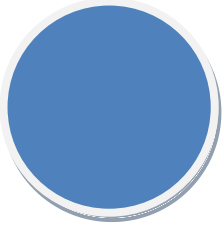

tròn

giun

bún

Thứ Ba: Tập Đọc
(Cho các em đọc những câu sau đây.)

Chén.
Rửa chén.
Mẹ rửa chén.
Thảo giúp mẹ rửa chén.

Kèn.
Thổi kèn.
Tí thổi kèn.
Tí thổi kèn. Kèn kêu tò tí te.

Nón.
Đội nón.
Đội nón khi ra nắng.
Tâm đội nón khi ra nắng.

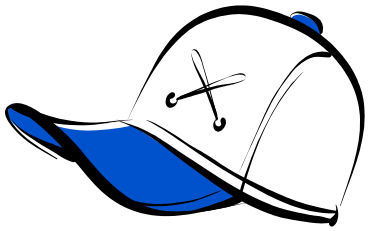

Tròn.
Hình tròn.
Vẽ hình tròn.
Tí vẽ hình tròn.
Tí vẽ và tô màu hình tròn.

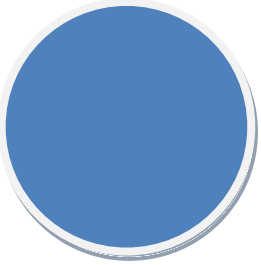

Giun.
Con giun.
Dùng con giun làm mồi.
Thìn dùng con giun làm mồi.
Thìn dùng con giun làm mồi câu cá.

Bún.
Bún bò Huế.
Mẹ nấu bún bò Huế.
Mẹ nấu bún bò Huế thật ngon.

Thứ Tư: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-10 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Thao giup me rưa chen.

Tâm đôi non khi ra năng.

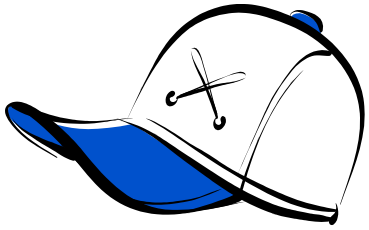

Thin dung con giun lam môi câu ca.

Chính Tả

(Đọc câu ở trang P-10 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

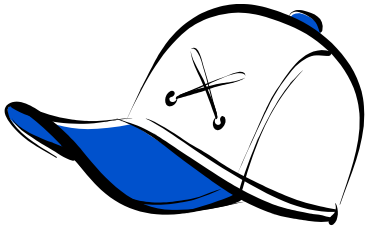

Thứ Năm: Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Thu Dọn

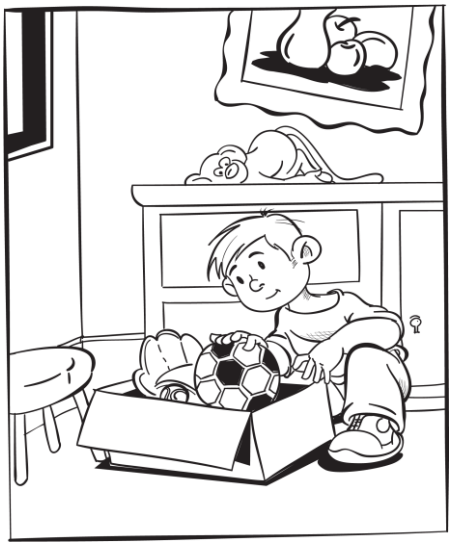

Quân cất trái banh đi.

Quân cất quyển sách đi.

Quân cất đôi giày đi.

Quân cất cái mũ đi.

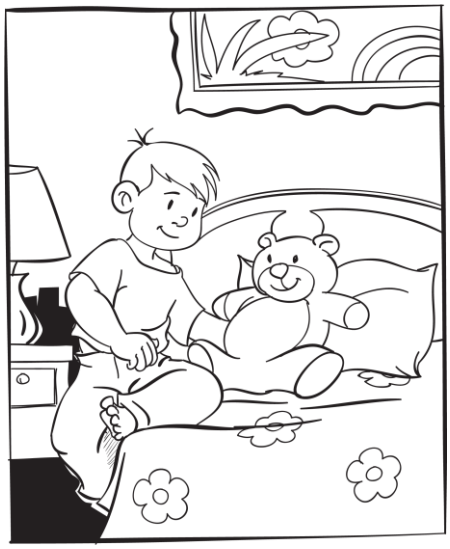

Quân cất con gấu bông đi.

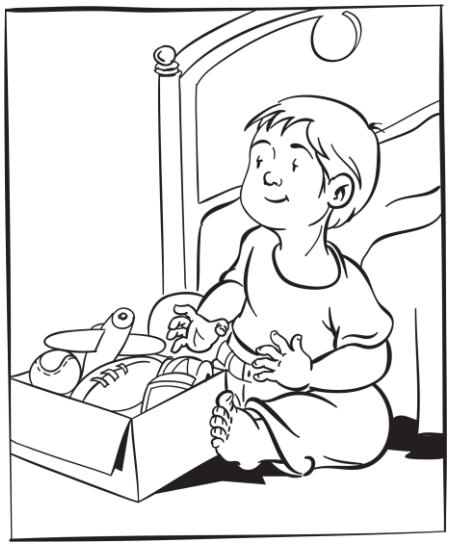

Quân cất đồ chơi đi.

Quân cất chăn đi.

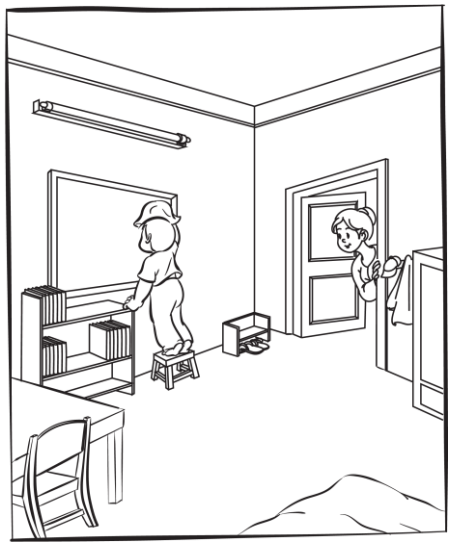

Phòng của Quân bây giờ thật ngăn nắp.

Trả Lời Câu Hỏi

(Giúp các em trả lời những câu hỏi sau đây.)

1. Quân đang làm gì?
   a. Chơi banh.
   b. Dọn dẹp phòng.
   c. Đọc sách.

2. Quân cất những gì đi?
   a. Đồ ăn.
   b. Đồ chơi.
   c. Con mèo.

3. Tại sao phòng của Quân ngăn nắp?
   a. Quân học giỏi.
   b. Quân dọn dẹp phòng.
   c. Quân chơi banh giỏi.

4. Em có những gì trong phòng em? Hãy kể ra.

   _____

   _____

   _____

Ngữ Vựng

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em nghe. Sau đó, dựa trên những hình ảnh, đặt câu hỏi cho các em trả lời. Thí dụ: *Cái này là cái gì? Con này là con gì? v.v.*)

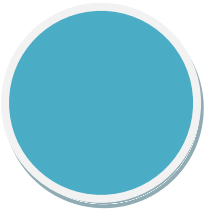

hình tròn

hình vuông

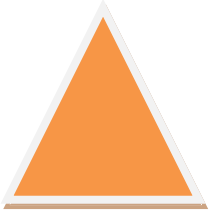

hình tam giác

hình chữ nhật

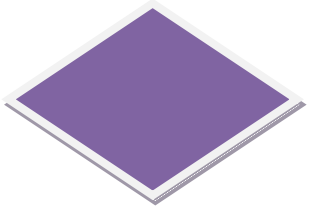

hình thoi

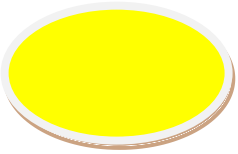

hình bầu dục

Thứ Sáu: Từ Thông Dụng

(Cho các em viết và học thuộc lòng những từ thông dụng sau đây.)

ra

khi

dùng

giúp

(Cho các em đọc các câu sau đây 3 lần.)

Em ra nhà thờ.

Em nhớ mẹ mỗi khi đi xa.

Em dùng đũa ăn cơm.

Bố giúp em làm bài.

Bảng Từ Thông Dụng
(Cho các em đọc những từ sau đây. Đánh dấu vào những từ các em có thể đọc được.)

a	***ă***	***â***	***b***	***c***	***ch***	***d***	***đ***
	ăn		***bé*** ***bị*** ***bố*** ***bà*** ***bạn***	***có*** ***con*** ***cái*** ***các*** ***cô***	***cho*** ***chị*** ***chợ***	***dùng***	***đi*** ***để***
e	***ê***	***g***	***gh***	***gi***	***h***	***i***	***k***
em				***giúp***			
kh	***l***	***m***	***n***	***ng***	***ngh***	***nh***	***o***
khi	***làm*** ***là***	***mẹ*** ***màu*** ***mua***			***nghe***	***nhà***	
ô	***ơ***	***ph***	***qu***	***r***	***s***	***t***	***th***
	ở			***rất*** ***ra***			
tr	***u***	***ư***	***v***	***x***	***y***		
			và ***về***				

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Đánh Vần
(Giúp các em đánh vần những từ sau đây.)

ăn

ăn	căn	chăn	khăn	lăn	nhăn	trăn
ắn	bắn	cắn	chắn	gắn	hắn	rắn
ằn	dằn	giằn	hằn	lằn	mằn	trằn
ẳn	hẳn	khẳn	lẳn	mẳn	nhẳn	
ẵn	chẵn	đẵn	nhẵn	sẵn		
ặn	cặn	chặn	dặn	lặn	mặn	nặn

ân

ân	cân	chân	dân	gân	thân	sân
ấn	cấn	dấn	giấn	khấn	lấn	nhấn
ần	bần	cần	chần	dần	đần	gần
ẩn	bẩn	cẩn	chẩn	khẩn	lẩn	thẩn
ẫn	dẫn	lẫn	nhẫn	phẫn	thẫn	vẫn
ận	bận	cận	chận	giận	hận	rận

Tập Viết

(Cho các em viết những từ sau đây.)

rắn

chăn

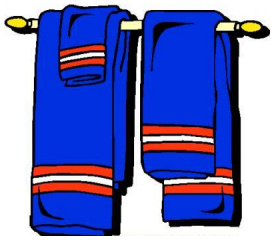

khăn

lân

phấn

bẩn

Thứ Ba: Tập Đọc
(Cho các em đọc những câu sau đây.)

Rắn.
Đi coi rắn.
Đi coi rắn trong sở thú.
Văn đi coi rắn trong sở thú.
Văn rủ Lân đi coi rắn trong sở thú.

Chăn.
Gấp chăn.
Vân gấp chăn.
Vân gấp chăn gọn gàng.
Khi ngủ dậy, Vân gấp chăn gọn gàng.

Khăn.
Mẹ mua khăn.
Mẹ mua một cặp khăn.
Mẹ mua một cặp khăn màu xanh.

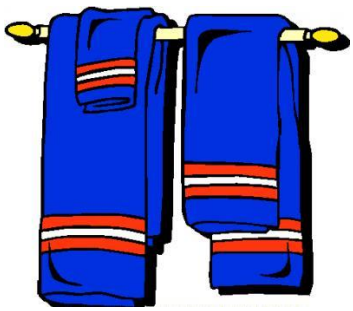

Lân.
Múa lân.
Tân xem múa lân.
Tân thích xem múa lân.
Tân rất thích xem múa lân.

Phấn.
Lấy phấn.
Mẫn lấy phấn.
Thầy nhờ Mẫn lấy phấn.
Thầy nhờ Mẫn lấy phấn giùm thầy.

Bẩn.
Làm bẩn quần áo.
Chớ làm bẩn quần áo.
Mẹ dặn chớ làm bẩn quần áo.
Mẹ dặn em chớ làm bẩn quần áo.

Thứ Tư: Thêm Dấu
(Đọc các câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Khi ngu dây, Vân gâp chăn gon gang.

Thây nhơ Mân lây phân gium thây.

Me dăn em chơ lam bân quân ao.

Chính Tả

(Đọc câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

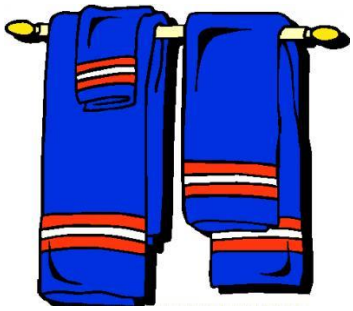

Thứ Năm: Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Em Có Thể Giúp

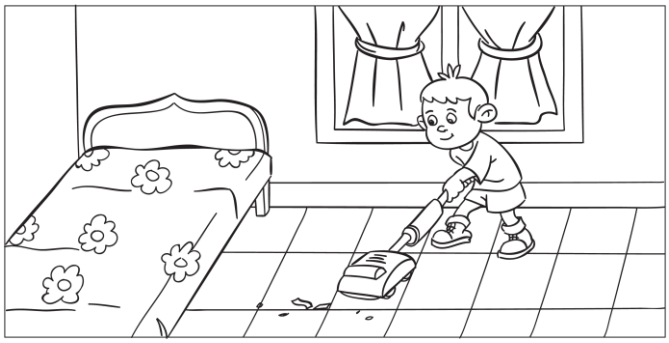

— Em có thể giúp hút bụi không?
— Dạ, được.

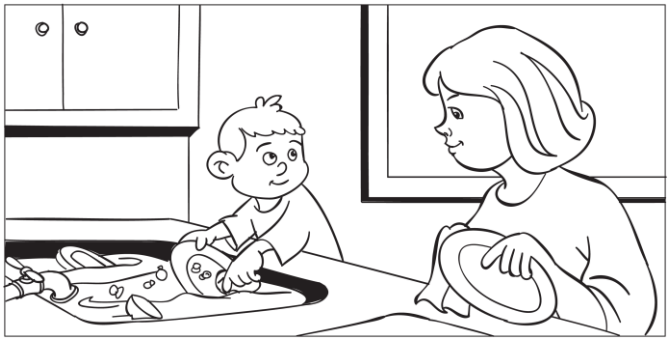

— Em có thể giúp rửa chén không?
— Dạ, được.

— Em có thể giúp nhổ cỏ không?
— Dạ, được.

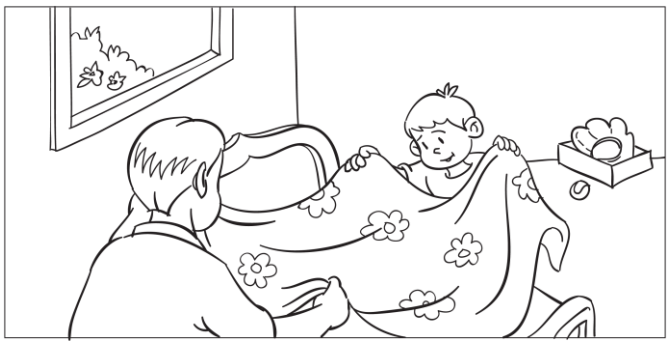

— Em có thể giúp trải khăn giường không?
— Dạ, được.

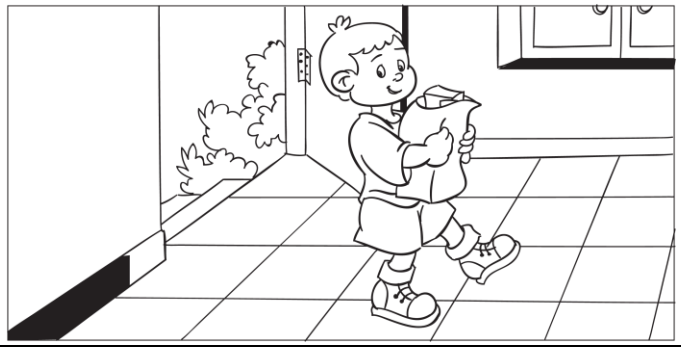

— Em có thể giúp mang đồ ăn vào không?
— Dạ, được.

— Em có thể giúp tắm cho chó không?
— Dạ, được.

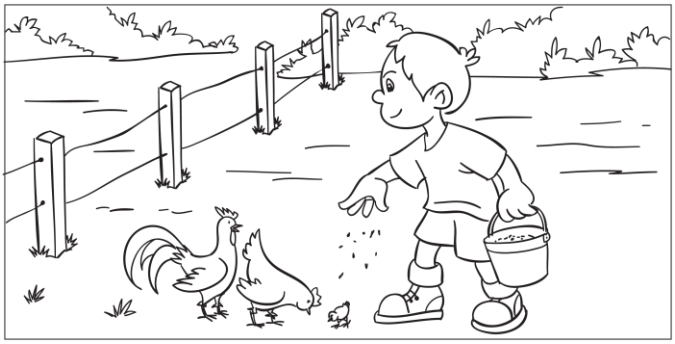

— Em có thể giúp cho gà ăn không?
— Dạ, được.

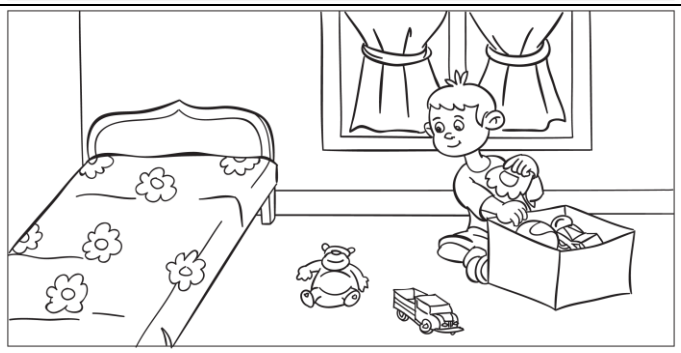

— Em có thể giúp thu dọn phòng em không?

Trả Lời Câu Hỏi

(Giúp các em trả lời những câu hỏi sau đây.)

1. Em dùng gì để hút bụi?
   a. Bàn chải.
   b. Chổi.
   c. Máy hút bụi.

2. Em trai trong truyện có thể giúp làm gì?
   a. Giặt quần áo.
   b. Nhổ cỏ.
   c. Quét nhà.

3. Tại sao em nên giúp bố mẹ?
   a. Bố mẹ cho em quà.
   b. Em thích rửa chén.
   c. Em thương bố mẹ.

4. Em trai trong truyện có nên giúp thu dọn phòng không?
   a. Có, vì phòng dơ quá.
   b. Không, vì em muốn coi ti-vi.
   c. Không, vì em muốn ra ngoài chơi.

Ngữ Vựng

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em nghe. Sau đó, dựa trên những hình ảnh, đặt câu hỏi cho các em trả lời. Thí dụ: *Cái này là cái gì? Con này là con gì? v.v.*)

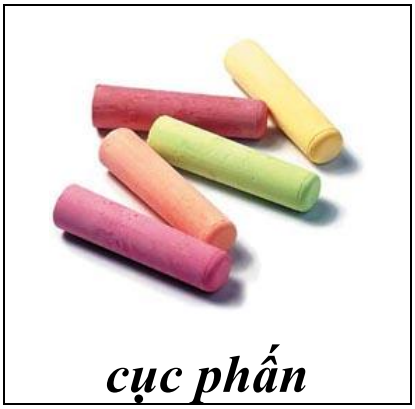

cục phấn

cái bảng

chồng sách

cây bút

cục tẩy

cây thước

Thứ Sáu: Từ Thông Dụng

(Cho các em viết và học thuộc lòng những từ thông dụng sau đây.)

(Cho các em đọc các câu sau đây 3 lần.)

Em đi ngủ sớm.

Mẹ mua cho em một tô phở.

Em thích ăn phở.

Chị lấy đồ chơi cho em.